TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày 11/3/2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyến - Ông Thái Quang Định.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh: Ông Nguyễn Minh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST – HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 5, khu Tre Mai, phường Nam Khê thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* anh Chu Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ 5, khu Tre Mai, phường Nam Khê thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024; bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: chị (H) cùng anh T kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, chị cùng anh kết hôn trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Sau khi kết hôn chị cùng anh T sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh ở tổ 5, khu Tre Mai, phường Nam

Khê thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, từ nguyên nhân này mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau dẫn tới đời sống gia đình căng thẳng, gây ức chế. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên can hòa giải, nhưng vợ chồng không cải thiện cũng như thay đổi hay khắc phục được. Dẫn tới chị cùng anh T sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: quá trình chung sống với nhau chị H cùng anh T có 02 (hai) con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009 và con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012. Nguyện vọng của chị nếu tòa án giải quyết cho ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009, anh T nuôi con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về T sản chung: chị cùng anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn T tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án anh trình bày: anh cùng chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, trong quá trình chung sống với nhau có nhiều bất đồng, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, việc này đã được gia đình nhắc nhở, nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị H có làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn với chị H với lý do gia đình nào cũng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ, anh mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng chăm sóc và nuôi dạy con cái khôn lớn trưởng thành.

Về con chung: trong quá trình sinh sống vợ chồng anh có 02 (hai) con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009 và con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012, nếu phải ly hôn quan điểm của anh đồng ý nhất trí quan điểm của chị H nuôi con chung, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009, anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012 và không bên nào đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung: anh cùng chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh vào ngày 18/11/2024 tại khu Tre Mai, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn cùng anh Chu Văn T trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào

ngày 19/12/2008. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau, không thể hòa hợp. Hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, dù đã được khu phố cùng với gia đình hòa giải nhưng không thể khắc phục được, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nếu nguyện vọng chị H có nguyện vọng được ly hôn anh T, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trong quá trình sinh sống vợ chồng anh có 02 (hai) con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009 và con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012, hiện tại hai con chung đang ở với mẹ. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất nuôi dưỡng và chăm sóc tốt nhất cho các con, đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con chung để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy đinh khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định. Do bị đơn không có mặt, vụ án không hòa giải được, Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tống đạt văn bản cho đương sự, giao T liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng: quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, từ nguyên nhân này mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau khiến gia đình căng thẳng, anh chị đã không còn ăn chung, ngủ chung, không còn quan tâm tới nhau từ năm 2023 đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và nuôi con chung khi ly hôn.

Về T sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của tòa án: chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Chu Văn T có địa chỉ tổ 6, khu Tre Mai, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, nên đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa và được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định của pháp luật.

Vệc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Thu H và anh Chu Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn số: 73/2008, ngày 19/12/2008, tại Ủy ban nhân dân phường nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ được pháp luật công nhận và bảo vệ, đáng lẽ ra hai vợ chồng phải biết trân trọng, nâng niu, vun vén cho cuộc sống vợ chồng ngày càng hạnh phúc hơn, nhưng chỉ vì trong cuộc sống thường ngày phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, từ nguyên nhân này mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau khiến gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên can hòa giải, nhưng vợ chồng không khắc phục được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn tới hai người đã sống ly thân nhau từ năm ……đến nay và không còn quan tâm tới nhau nữa, anh T trong bản tự khai, buổi hòa giải đều không đồng ý ly hôn với chị H với lý do gia đình nào cũng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ, anh mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng chăm sóc và nuôi dạy con cái khôn lớn trưởng thành.

Xét thấy anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của anh Tai và chị H đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống, không tìm tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau, đánh nhau nhiều lần, cả hai không còn ăn chung, ngủ chung không còn quan tâm tới nhau nữa. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T có quan điểm không muốn ly hôn nhưng thực tế suốt thời gian qua

cho đến nay hai vợ chồng không còn ăn chung, ngủ chung, không còn quan tâm tới nhau nữa.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và tại bản tự khai anh T không đồng ý ly hôn với chị H với lý do gia đình nào cũng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ, anh mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng chăm sóc và nuôi dạy con cái khôn lớn trưởng thành. Do đó nếu buộc chị H quay về đoàn tụ với anh T thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, còn lý do của anh T đưa ra chỉ mang tính giàng buộc lẫn nhau, không xuất phát từ tình yêu, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Thu H với anh Chu Văn T 02 (hai) con chung tên Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009 và con chung tên Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012. Xét thấy việc thỏa thuận thống nhất của chị H với anh T sau khi ly hôn chị H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Chu Thanh Huyền, sinh ngày 23/9/2009 cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Chu Hoàng Quân, sinh ngày 15/10/2012 cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi) việc thỏa thuận đó không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận.

cho anh Đức hay chị Loan nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đức và chị Loan không thỏa thuận được về việc nuôi con chung sau ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Xét thấy về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con giữa anh Bùi Minh Đức và chị Trần Thị Loan thấy anh Đức có công ăn việc làm thu nhập ổn định hiện đang làm Công ty chế biến than Quảng Ninh – TKV thu nhập bình quân mỗi tháng từ 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)* đến 16.000.000đ *(mười sáu triệu đồng)*/tháng, có nơi ở ổn định, con chung đang học ở Trương mầm non Thanh Sơn thành phố Uông Bí. Còn chị Loan hiện tại không có công ăn việc làm, thu nhập, không có nơi ở. Xét thấy về các điều kiện anh Đức có đầy đủ các điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng con chung phát triển bình thường, còn chị Loan chưa có đầy đủ các điều kiện để nuôi dưỡng con chung phát triển bình thường, nên việc giao con

chung cho anh Bùi Minh Đức tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế.

- *Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung:* Hội đồng xét xử xét sau khi ly hôn anh Đức trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Đức không yêu cầu chị Loan đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

[3] Về T sản chung và nợ chung: anh Bùi Minh Đức trình bày không có T sản chung, chị Trần Thị Loan trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

[4] Về án phí: ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn anh Đức phải chịu.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Minh Đức.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Bùi Minh Đức được ly hôn chị Trần Thị Loan.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Bùi Trúc Anh, sinh ngày 20/12/2020, cho anh Bùi Minh Đức, tiếp tục, trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, kể từ tháng 8 năm 2024, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị Loan không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Minh Đức.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí: anh Bùi Minh Đức phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00002604 ngày 08/3/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh Bùi Minh Đức đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND - TPUông Bí;
- Chi cục THADS - TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- UBND P Thanh Sơn – TP Uông Bi;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Bắc